Một sản phẩm của VietnamBiz

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Quý III 2026

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt 03

Phần I: Thị trường gạo thế giới 04

1. Sản xuất – Tiêu thụ 05
2. Tình hình xuất nhập khẩu 05
3. Diễn biến giá 09

Phần II: Thị trường gạo Việt Nam 12

1. Sản xuất 13
2. Xuất khẩu 13
3. Diễn biến giá 15

Phần III: Dự báo 17

Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành 19

Phụ lục 22

Viết tắt, giải nghĩa

BPI: Cục Công nghiệp Thực vật Philippines
BSP: Cơ quan Thống kê Indonesia
CRF: Liên đoàn Lúa gạo Campuchia
FAO: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc
FCI: Tổng công ty Lương thực Ấn Độ
PBS: Cục Thống kê Pakistan
PSA: Cơ quan Thống kê Philippines
USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ
VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Tóm tắt

- Trong báo cáo mới nhất, FAO dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2026-2027 đạt 552,5 triệu tấn, giảm đáng kể so với mức 566,1 triệu tấn của niên vụ 2025-2026. Tương tự, USDA đã hạ dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2026-2027 xuống còn 533,1 triệu tấn, giảm 12,6 triệu tấn so với niên vụ 2025-2026.

- Xuất khẩu gạo của Ấn Độ được USDA dự báo giảm 4%, xuống còn 24 triệu tấn vào năm 2027, do nguồn cung gạo tấm và gạo trắng suy giảm, trong khi giá gạo trong nước tăng cao, làm hạn chế lượng gạo có sẵn dành cho thị trường quốc tế.

- Bộ Thương mại Thái Lan cho biết, trong 9 tháng đầu năm, Thái Lan xuất khẩu 4,99 triệu tấn gạo, giảm 19,26% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là đơn hàng từ Iraq sụt giảm do căng thẳng Trung Đông, dù nhu cầu từ Philippines và Malaysia tăng, phần nào bù đắp sự thiếu hụt này.

- Theo số liệu của Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI), Philippines đã nhập khẩu hơn 4 triệu tấn gạo trong 9 tháng đầu năm, tăng 24% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, Việt Nam vẫn là nguồn cung lớn nhất, nhưng thị phần giảm từ trên 80% xuống còn 67%.

- Trong quý III, chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) tăng khoảng 2,1% so với cuối quý II và cao hơn 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 9, chỉ số này đạt 110,5 điểm, mức cao nhất được ghi nhận kể từ tháng 2/2025.

- Theo số liệu từ Cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong quý III đạt 1,34 triệu tấn, giảm mạnh 51,2% về lượng và 50,8% về trị giá so với quý II, đồng thời giảm 36,4% về lượng và 35,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

- Trên thị trường nội địa, giá lúa gạo tiếp tục giảm 3,5–5% trong tháng 9, nối dài đà đi xuống sang tháng thứ hai liên tiếp trong bối cảnh nhu cầu từ Philippines suy yếu. Tuy nhiên, mặt bằng giá gạo hiện vẫn cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái.

- Trong bối cảnh thị trường biến động, nhiều doanh nghiệp đang phải đối mặt với áp lực doanh thu suy giảm và tình trạng thua lỗ kéo dài.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Phần I:

Thị trường gạo thế giới



Ảnh: Freepik.

Mục lục

Viết tắt, giải nghĩa

Trong báo cáo mới nhất, cả FAO và USDA đều hạ dự báo triển vọng sản lượng gạo toàn cầu do tác động của El Niño đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là tại Ấn Độ. Trong khi đó, giá gạo toàn cầu tiếp tục đi lên, với chỉ số giá trong quý III/2026 tăng 2,1% so với cuối quý II và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

FAO: Trong bản cập nhật cung cầu ngũ cốc toàn cầu công bố vào đầu tháng 10, FAO dự báo sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2026-2027 đạt 552,5 triệu tấn, giảm so với mức dự báo 553,1 triệu tấn trước đó và thấp hơn mức 566,1 triệu tấn của niên vụ 2025-2026, chủ yếu do triển vọng sản xuất tại Ấn Độ suy yếu. Ở chiều ngược lại, mức tiêu thụ toàn cầu được duy trì ở mức 559,0 triệu tấn, vượt 6,5 triệu tấn so với sản lượng.

Tồn kho cuối kỳ được điều chỉnh tăng so với dự báo trước lên 216,9 triệu tấn, mặc dù vẫn thấp hơn mức 224,2 triệu tấn của niên vụ trước.

Thương mại gạo toàn cầu được dự báo đạt 61,2 triệu tấn, FAO kỳ vọng thương mại sẽ phục hồi trong năm 2027.

USDA: Bộ nông nghiệp Mỹ (USDA) đã hạ dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2026-2027 xuống còn 533,1 triệu tấn, giảm 800.000 tấn so với dự báo trước và giảm 12,6 triệu tấn so với niên vụ 2025-2026. Đây cũng là niên vụ có sản lượng thấp nhất trong 3 năm qua.

Mặc dù vậy, do tồn kho cuối vụ 2025-2026 ở mức cao kỷ lục 204,2 triệu tấn, nên tổng nguồn cung gạo toàn cầu (bao gồm tồn kho đầu kỳ + sản lượng) dự kiến tương đương vụ trước, ở mức 737,3 triệu tấn.

Trái ngược với sự sụt giảm về sản lượng, USDA dự báo tiêu thụ gạo toàn cầu sẽ đạt mức cao kỷ lục 538,8 triệu tấn trong niên vụ 2026-2027, giảm 800.000 tấn so với dự báo trước nhưng vẫn tăng hơn 5,7 triệu tấn so với niên vụ 2025-2026.

Về thương mại, xuất khẩu gạo toàn cầu trong năm dương lịch 2027 được dự báo tăng năm thứ hai liên tiếp, đạt mức kỷ lục 61,4 triệu tấn, tương ứng tăng 1,76 triệu tấn so với năm trước.

2 Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu

Ấn Độ: Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), xuất khẩu gạo của Ấn Độ được dự báo giảm 4%, xuống còn 24 triệu tấn vào năm 2027, do nguồn cung gạo tấm và gạo trắng suy giảm, trong khi giá gạo trong nước tăng cao, làm hạn chế lượng gạo có sẵn dành cho thị trường quốc tế.

Triển vọng này được đưa ra sau khi sản lượng gạo của Ấn Độ được dự báo giảm 4,5%, xuống còn 147 triệu tấn trong niên vụ 2026–2027. Trong niên vụ 2025–2026 trước đó, Ấn Độ sản xuất 154 triệu tấn gạo, trở thành quốc gia sản xuất gạo lớn nhất thế giới.

Mức sụt giảm dự kiến diễn ra trong bối cảnh lượng mưa gió mùa thấp hơn mức trung bình và diện tích canh tác lúa thu hẹp, làm dấy lên lo ngại về lượng gạo dư thừa dành cho xuất khẩu của quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Nếu dự báo mới nhất của USDA trở thành hiện thực, đây sẽ là lần đầu tiên sản lượng gạo của nước này giảm kể từ niên vụ 2015–2016.

Theo các doanh nghiệp xuất khẩu và kinh doanh gạo của Ấn Độ, sự sụt giảm dự kiến này là do hiện tượng thời tiết El Niño và mưa gió mùa không thuận lợi.

Trong vụ kharif hiện tại, diện tích gieo trồng lúa đã giảm 3,7% so với vụ trước, xuống còn 42,92 triệu ha. Trong đó, bang Karnataka ghi nhận diện tích giảm 0,46 triệu ha; Telangana giảm 0,43 triệu ha; Andhra Pradesh giảm 0,18 triệu ha và Tamil Nadu giảm 0,15 triệu ha.

Áp lực về sản lượng đã phản ánh rõ qua giá gạo trong nước. Giá gạo bán lẻ tại Ấn Độ tính đến ngày 11/10 đạt 46,92 rupee/kg, cao hơn khoảng 10% so với cùng kỳ năm trước.

Theo báo cáo, các giống gạo không thuộc nhóm Basmati có chất lượng cao, bao gồm Sona Masoori, Ponni và Swarna, đã ghi nhận mức tăng giá 10–25% trong năm qua. Tại bang Tamil Nadu, giá một bao gạo siêu mịn loại 26 kg tăng từ 1.720 rupee lên 1.950 rupee chỉ trong 10 ngày, trong khi giá một bao gạo loại ngon tăng từ 1.500 rupee lên 1.640 rupee.

Một quan chức cho biết chính phủ đang nắm giữ hơn 38 triệu tấn gạo dự trữ, vượt xa mức dự trữ đệm bắt buộc tính đến ngày 1/10 là 10,25 triệu tấn. Dự kiến, lượng gạo dự trữ sẽ được đưa ra thị trường thông qua Chương trình bán hàng trên thị trường mở (OMSS) nhằm góp phần hạ nhiệt giá gạo.

Doanh thu xuất khẩu gạo của Ấn Độ tăng 2,17% so với cùng kỳ năm trước, đạt 4,81 tỷ USD trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 8 của năm tài chính 2026–2027. Tuy nhiên, tình trạng gián đoạn nguồn cung và chi phí vận tải tăng cao liên quan đến xung đột tại Tây Á vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động giao hàng.

Thái Lan: Theo Bộ Thương mại Thái Lan, trong 9 tháng đầu năm, Thái Lan xuất khẩu 4,99 triệu tấn gạo, giảm 19,26% so với cùng kỳ năm 2025, trong khi kim ngạch xuất khẩu giảm 16,84%, xuống còn 2,962 tỷ USD.

Tuy nhiên, giá xuất khẩu bình quân gạo trắng 5% tấm của Thái Lan đã tăng lên 482 USD/tấn trong tháng 9/2026, tăng 28,88% so với mức 374 USD/tấn của cùng kỳ năm 2025.

Một phần khó khăn của ngành gạo Thái Lan đến từ sự suy giảm đơn hàng tại Iraq do căng thẳng ở Trung Đông. Một số lô hàng vẫn được vận chuyển đến thị trường này qua Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng chi phí logistics tăng đã hạn chế khối lượng giao dịch.

Ở chiều ngược lại, Philippines và Malaysia gia tăng mua gạo Thái Lan, phần nào bù đắp lượng đơn hàng bị mất tại Iraq. Hai quốc gia này đang tăng cường dự trữ gạo nhằm ứng phó với những rủi ro từ hiện tượng thời tiết El Niño, đồng thời củng cố an ninh lương thực.

Mặc dù vậy, các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan vẫn đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ sản lượng thu hoạch lớn và lượng tồn kho cao của Ấn Độ. Vụ thu hoạch lúa của Pakistan dự kiến đưa ra thị trường vào cuối năm 2026 cũng có thể gia tăng áp lực lên thị trường.

Về mục tiêu dài hạn, Thái Lan dự kiến duy trì kế hoạch xuất khẩu 7 triệu tấn gạo trong năm 2027. Tuy nhiên, trước khi chốt dự báo, Bộ Ngoại thương và Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Thái Lan sẽ đánh giá lại tác động của El Niño và tình hình xung đột tại Trung Đông vào cuối năm 2026.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Campuchia: Mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo mỗi năm do Chính phủ Campuchia đề ra hơn một thập niên trước đã chính thức trở thành hiện thực, đánh dấu cột mốc quan trọng đối với ngành lúa gạo nước này.

Theo dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu kiểm dịch thực vật quốc gia thuộc Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Campuchia (MAFF), tính đến ngày 19/10, tổng lượng gạo xuất khẩu của nước này đạt kỷ lục hơn 1 triệu tấn.

Đầu những năm 2010, Chính phủ Campuchia đặt mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo mỗi năm vào năm 2015. Tuy nhiên, mục tiêu này chưa đạt được trong suốt giai đoạn từ đó đến hết năm 2025.

Theo số liệu của bộ trên, Campuchia xuất khẩu 538.000 tấn gạo năm 2015, 542.000 tấn năm 2016, 636.000 tấn năm 2017, 626.000 tấn năm 2018, 620.000 tấn năm 2019, 691.000 tấn năm 2020, 617.000 tấn năm 2021, 637.000 tấn năm 2022, 656.000 tấn năm 2023, 646.000 tấn năm 2024 và 940.000 tấn năm 2025.

Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF) mới đây cho biết xuất khẩu gạo của nước này đang duy trì đà tăng trưởng tích cực, đặc biệt từ năm 2025, khi lượng xuất khẩu tăng gần 50% so với năm trước đó. Kết quả này đạt được nhờ sự phối hợp giữa chính phủ và khu vực tư nhân trong hoạt động quảng bá gạo Campuchia, củng cố và mở rộng năng lực sản xuất, đồng thời phát triển các thị trường xuất khẩu.

Liên minh châu Âu (EU) và Trung Quốc tiếp tục là những thị trường tiêu thụ gạo chủ lực của Campuchia. Trong khi đó, xuất khẩu gạo của Campuchia sang một số thị trường khác, trong đó có Malaysia và Philippines, cũng ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể.

Ở góc độ doanh nghiệp, Công ty Signature Rice cho biết doanh nghiệp dự kiến xuất khẩu 60.000 tấn gạo sang Philippines vào cuối năm 2026.

Theo Liên đoàn Lúa gạo Campuchia, các hoạt động quảng bá, chất lượng và hương vị gạo, cùng với sự cải thiện của hạ tầng vận tải, đã góp phần nâng cao sức cạnh tranh của gạo Campuchia trên thị trường quốc tế. Những yếu tố này cũng thúc đẩy số lượng đơn đặt hàng từ nước ngoài tăng đều đặn.

Myanmar: Theo Liên đoàn Lúa gạo Myanmar (MRF), nước này đã xuất khẩu 971.662 tấn gạo và gạo tấm trong 6 tháng đầu năm tài chính 2026-2027 (từ tháng 4 đến tháng 9/2026), thu về khoảng 338 triệu USD.

Tuy nhiên, khối lượng xuất khẩu trong giai đoạn này giảm đáng kể so với mức hơn 1,2 triệu tấn ghi nhận cùng kỳ năm tài chính trước.

MRF cho biết, gạo và gạo tấm của Myanmar được xuất khẩu bằng cả đường biển và đường bộ tới hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Pakistan: Xuất khẩu gạo của Pakistan trong tháng 9 tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái, nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của cả hai phân khúc gạo Basmati và non-Basmati. Đà tăng này góp phần bổ sung nguồn cung cho thị trường gạo toàn cầu vốn đang khá thắt chặt, đặc biệt ở phân khúc gạo cao cấp và gạo thơm.

Cụ thể, trong tháng 9, Pakistan đã xuất khẩu 420.277 tấn gạo, tăng đáng kể so với mức 168.322 tấn của cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu gạo Basmati tăng gần gấp ba lần, lên 101.271 tấn; trong khi gạo non-Basmati và các chủng loại khác cũng tăng mạnh, đạt 319.005 tấn.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Tính chung quý I năm tài chính 2026-2027 (từ tháng 7 đến tháng 9/2026), tổng lượng gạo xuất khẩu của Pakistan đạt 1,075 triệu tấn, tăng so với mức 713.794 tấn trong cùng kỳ năm tài chính trước.

Nguồn cung gia tăng từ Pakistan đang góp phần hạn chế dư địa tăng giá tại một số thị trường cung ứng gạo cao cấp, trong bối cảnh giá gạo xuất khẩu tại châu Á nhìn chung vẫn duy trì ở mức cao.

b. Nhập khẩu



Philippines: Theo số liệu của Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI), Philippines đã nhập khẩu hơn 4 triệu tấn gạo trong 9 tháng đầu năm, khi các doanh nghiệp thương mại tăng cường mua vào để củng cố nguồn cung dự trữ trong bối cảnh dự báo sản lượng trong nước suy giảm.

Cụ thể, lượng gạo nhập khẩu của nước này đạt 4,07 triệu tấn trong 9 tháng đầu năm, tăng 24% so với cùng kỳ, đồng thời vượt hơn 20% so với tổng lượng nhập khẩu vào khoảng 3,39 triệu tấn của cả năm 2025.

Việt Nam vẫn là nhà cung cấp lớn nhất với 2,73 triệu tấn, nhưng thị phần đã giảm đáng kể từ hơn 80% xuống còn khoảng 67%. Trong khi đó, nhập khẩu từ Thái Lan đạt gần 553.000 tấn, tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm 2025. Bên cạnh đó, lượng gạo nhập khẩu từ Myanmar cũng tăng lên 420.000 tấn; Pakistan cung cấp gần 217.000 tấn và Campuchia đạt khoảng 127.000 tấn và Ấn Độ với 26.556 tấn.

Bộ Nông nghiệp Philippines (DA) dự báo lượng gạo nhập khẩu của nước này sẽ vượt 5 triệu tấn trong năm nay, vượt qua mức kỷ lục 4,81 triệu tấn được thiết lập vào năm 2024. Trong khi đó, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo Philippines có thể nhập khẩu 5,5 triệu tấn gạo trong năm nay, trước khi tăng lên 5,7 triệu tấn vào năm 2027.

Nhập khẩu gia tăng nhằm củng cố nguồn dự trữ quốc gia trước nguy cơ xuất hiện các đợt khô hạn do hiện tượng El Niño ngày càng mạnh lên. Bộ Nông nghiệp Philippines ước tính sản lượng lúa (thóc chưa xay xát) của nước này có thể thiệt hại tới 700.000 tấn trong năm nay do hiện tượng thời tiết này.

Cơ quan Thống kê Philippines (PSA) cảnh báo sản lượng lúa của nước này có thể giảm khoảng 650.000 tấn chỉ riêng trong quý III, thậm chí trước khi hiện tượng El Niño mạnh tác động toàn diện, do diện tích thu hoạch bị thu hẹp.

Đồng thời cho biết tồn kho gạo của Philippines tính đến ngày 1/9 đạt 1,91 triệu tấn, giảm 12,4% so với tháng trước và giảm 8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Indonesia: Cơ quan Thống kê Indonesia (BPS) cho biết, giá gạo bán lẻ tại Indonesia đã tăng lên mức kỷ lục 15.769 rupiah (0,88 USD)/kg trong tháng 9. Trong khi đó, sản lượng gạo giai đoạn tháng 1-11 năm nay dự kiến giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ quan Lương thực quốc gia Indonesia (Bapanas) dự báo sản lượng cả năm đạt khoảng 34 triệu tấn, cao hơn mức tiêu thụ trên 31 triệu tấn. Tuy nhiên, triển vọng năm 2027 kém tích cực hơn khi mùa mưa được dự báo ngắn hơn bình thường, có thể làm chậm thời điểm xuống giống và rút ngắn chu kỳ sinh trưởng. El Niño cũng đã khiến một số khu vực thiếu nước và phải giảm hoặc trì hoãn gieo trồng.

Theo các chuyên gia trong ngành, giá gạo có thể tiếp tục tăng đến tháng 3/2027 và khó giảm đáng kể trước tháng 4, khi nguồn cung từ vụ thu hoạch bị trì hoãn bắt đầu được đưa ra thị trường.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Hội Nông dân trồng lúa Indonesia (KTNA), cảnh báo sản lượng gạo năm 2027 có thể giảm khoảng 10%. Khoảng 30% diện tích đất trồng lúa của Indonesia chưa có hệ thống thủy lợi, dễ bị ảnh hưởng khi hạn hán kéo dài. Tại một số khu vực thiếu nước ở miền Nam Java, nông dân đã chuyển sang cây trồng khác hoặc để đất bỏ hoang.

Áp lực giá còn đến từ khâu phân phối khi khoảng cách giữa giá thu mua từ nông dân và giá bán lẻ tối đa do Chính phủ quy định khiến các nhà bán lẻ phải mua gạo với giá cao hơn mức trần nhưng có nguy cơ bán dưới giá vốn. Tình trạng này khiến nguồn cung tại một số siêu thị, đặc biệt là gạo cao cấp đóng bao 5 kg, trở nên khan hiếm.

Bulog, cơ quan quản lý kho gạo quốc gia, đang nắm khoảng lượng dự trữ lớn với 4,6 triệu tấn tính đến giữa tháng 9. Tuy nhiên, một phần nguồn dự trữ được giữ làm "tấm đệm" trước rủi ro El Niño và không được đưa ngay vào các kênh thương mại thông thường.

Trung Quốc: Theo số liệu của Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu gạo của Trung Quốc trong tháng 8 tiếp tục chậm lại khi chỉ đạt 176.500 tấn gạo, giảm 39,2% so với tháng trước và giảm 39,06% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, các nguồn cung chính gồm: Ấn Độ đạt 62.800 tấn, chiếm 35,56%; Việt Nam đạt 57.300 tấn, chiếm 32,49%; Myanmar đạt 23.200 tấn, chiếm 13,17%; các thị trường khác đạt tổng cộng 33.200 tấn, chiếm 18,79%.

Tuy nhiên, tính chung 8 tháng đầu năm, Trung Quốc nhập khẩu tổng cộng gần 2,9 triệu tấn gạo, tăng 42,38% (tương đương 856.800 tấn) so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, Việt Nam đứng đầu với 998.600 tấn, chiếm 34,69%; tiếp đến là Myanmar đạt 601.900 tấn, chiếm 20,91%; Ấn Độ đạt 536.900 tấn, chiếm 18,65%; Pakistan đạt 373.100 tấn, chiếm 12,96%. Các thị trường khác đạt tổng cộng 368.200 tấn, chiếm 12,79%.

Về xuất khẩu, Trung Quốc đã xuất khẩu 183.400 tấn gạo trong tháng 8, tăng gấp đôi tháng trước và tăng 56,49% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc xuất khẩu tổng cộng 1,23 triệu tấn gạo, tăng tăng 48,97% so với cùng kỳ năm 2025. Các thị trường xuất khẩu chính chủ yếu thuộc khu vực châu Phi.

3 Diễn biến giá

Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), chỉ số giá gạo toàn cầu của FAO (FARPI) đạt bình quân 110,5 điểm trong tháng 9, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là giá mức bình quân cao nhất được ghi nhận kể từ tháng 2/2025.

Tính chung quý III/2026, chỉ số giá gạo toàn cầu tăng khoảng 2,1% so với cuối quý II và cao hơn 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm, chỉ số này đạt bình quân 105,5 điểm, nhỉnh hơn mức 105,1 điểm của cùng kỳ năm 2025.

Đà tăng này chủ yếu do lo ngại nguồn cung toàn cầu suy giảm dưới tác động của hiện tượng El Niño, thúc đẩy nhiều quốc gia tăng cường dự trữ.

Chỉ số giá gạo toàn cầu của FAO được công bố hàng tháng, dựa trên 21 mức giá chào xuất khẩu của bốn nhóm gạo gồm Indica, gạo thơm, Japonica và gạo nếp ***(Bảng 1)***.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới trong quý III/2026

Nguồn: FAO.

Nước sản xuất	Loại gạo	Diễn biến giá qua các tháng (USD/tấn)			% thay đổi của tháng 9/2026 so với		
		7/2026	8/2026	9/2026	8/2026	Cuối QII/2026	Cùng kỳ 2025
Ấn Độ	Basmati	1.050	1.050	1.050	0,0	0,0	▲ 13,5
	Trắng 25% tấm	341	347	367	▲ 6,0	▲ 11,5	▲ 2,6
	Trắng 5% tấm	358	362	378	▲ 4,5	▲ 9,0	▲ 1,0
	Gạo đồ 5% tấm	357	371	379	▲ 2,1	▲ 11,9	▲ 7,4
Pakistan	Basmati	1.132	1.118	1.094	▼ 2,1	▼ 4,0	▲ 0,5
	Trắng 25% tấm	379	375	387	▲ 3,2	▲ 7,9	▲ 14,1
	Trắng 5% tấm	409	401	416	▲ 3,6	▲ 5,7	▲ 14,7
Thái Lan	Trắng 100% tấm	473	477	490	▲ 2,7	▼ 2,0	▲ 25,9
	Trắng 25% tấm	453	447	463	▲ 3,5	▼ 3,3	▲ 26,3
	A1 Super	408	372	391	▲ 5,1	▼ 8,4	▲ 14,7
	Hom Mali	1.203	1.183	1.172	▼ 0,9	▼ 4,8	▲ 3,5
	Nếp 10% tấm	799	833	838	▲ 0,6	▲ 0,5	▲ 3,4
	Đồ 100% tấm	478	485	499	▲ 2,8	▼ 1,5	▲ 26,6
Việt Nam	Trắng 25% tấm	389	418	406	▼ 3,0	▲ 5,5	▲ 15,4
	Trắng 5% tấm	425	441	419	▼ 5,1	▲ 1,6	▲ 12,6
	Thơm 5% tấm	507	492	453	▼ 7,8	▼ 8,3	▲ 1,6
Campuchia	Thơm 5% tấm			810		▼ 4,5	▼ 12,4
Mỹ	Gạo trắng 4% tấm	916	910	902	▼ 0,9	▼ 1,6	▲ 12,7
	Calrose 4% tấm	528	573	607	▲ 5,9	▲ 13,8	▲ 0,7
Argentina	Trắng 5% tấm	453	455	478	▲ 4,9	▲ 6,7	▼ 2,1
Brazil	Trắng 5% tấm	515	542	572	▲ 5,6	▲ 11,3	▲ 13,5
Uruguay	Trắng 5% tấm	519	541	565	▲ 4,4	▲ 8,6	▲ 12,8

Trong quý III, giá gạo thế giới diễn biến trái chiều giữa các quốc gia xuất khẩu hàng đầu. Trong đó, giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ đã tăng lên mức cao nhất trong hơn một năm, nhờ nhu cầu cải thiện và những lo ngại về nguồn cung.

Tính đến cuối quý III, giá gạo đồ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán ở mức 378–384 USD/tấn, cao nhất kể từ tháng 7/2025 và tăng 42 USD/tấn so với cuối quý II. Tương tự, gạo trắng 5% tấm của Ấn Độ tăng 33 USD/tấn trong cùng thời gian, lên mức 377–382 USD/tấn.

"Mùa vụ đang xấu đi thay vì cải thiện. Điều này đẩy giá lúa lên cao và khiến các nhà xuất khẩu phải tăng giá gạo", một thương nhân tại Mumbai cho biết.

Ngày 27/9, cơ quan ứng phó thảm họa của Ấn Độ cho biết mưa lớn gây lũ lụt và lở đất ở bang Uttar Pradesh, miền Bắc nước này đã khiến ít nhất 56 người thiệt mạng.

Theo các quan chức trong ngành, sản lượng gạo của Ấn Độ dự kiến sẽ giảm trong năm nay, lần đầu tiên trong một thập kỷ và là mức giảm mạnh nhất trong gần 20 năm, do lượng mưa thấp hơn bình thường trong giai đoạn lúa chín có nguy cơ làm giảm năng suất.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

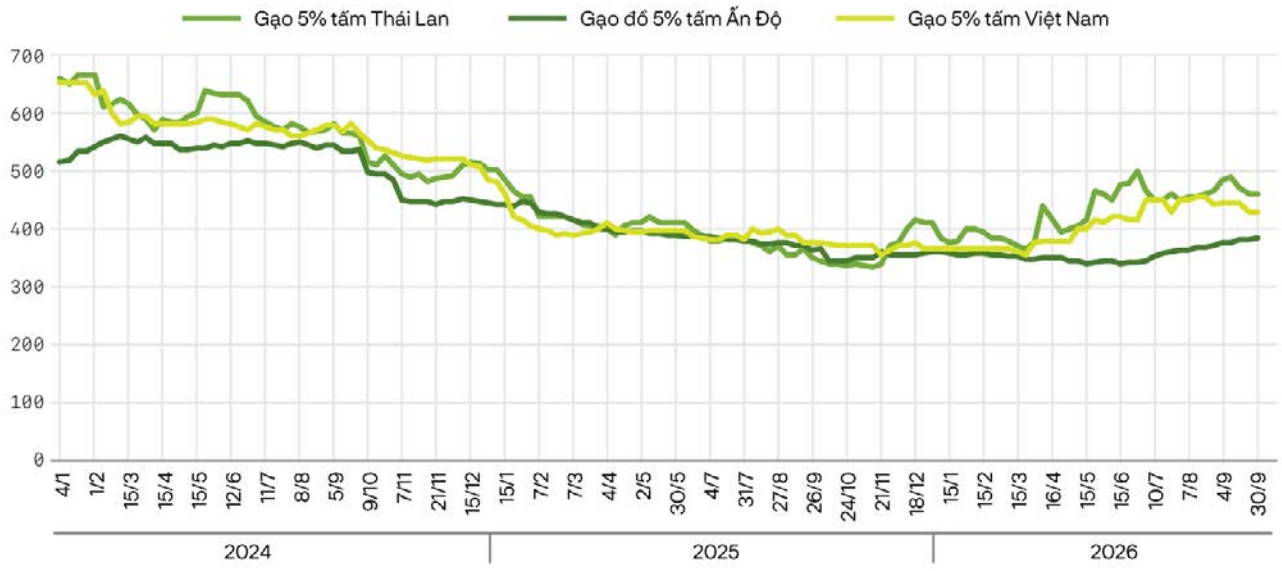
Ngược lại, giá gạo trắng 5% tấm của Thái Lan giảm tới 40 USD/tấn trong quý III, được chào bán ở mức 460 USD/tấn. Một thương nhân tại Bangkok cho biết, những lo ngại về hiện tượng El Niño dịu bớt đã thúc đẩy các nhà xay xát xả bớt lượng hàng tồn kho ra thị trường. Về phía nhu cầu, hiện chưa có đơn hàng với khối lượng lớn, một số người mua vẫn đang chờ nhận hàng từ các hợp đồng đã mua trước đó.

Trong khi đó, gạo 5% tấm của Việt Nam được chào bán ở mức 420–430 USD/tấn, tăng khoảng 15 USD/tấn trong quý III. Hoạt động thu hoạch lúa Hè Thu đã kết thúc nên nguồn cung đang cạn dần. Tuy nhiên, nhu cầu cũng đang khá yếu.

Tại Bangladesh, giá gạo vẫn ở mức cao và có thể tiếp tục tăng sau khi giá dầu gần đây đi lên, theo các nông dân. Giá nhiên liệu tăng làm chi phí tưới tiêu, vận hành máy móc nông nghiệp và vận chuyển tăng theo. Giá tăng có thể gây thêm áp lực lên người tiêu dùng, trong bối cảnh họ vốn đang phải đối mặt với lạm phát ở mức cao ***(Biểu đồ 1)***. ■

Biểu đồ 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2024 đến cuối quý III/2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Phần II:

Thị trường gạo Việt Nam



Ảnh: PrimeCoffee.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Trong quý III, xuất khẩu gạo của Việt Nam giảm mạnh do nhu cầu từ thị trường Philippines suy yếu, qua đó tạo áp lực kéo giá lúa gạo trong nước đi xuống. Tuy nhiên, triển vọng xuất khẩu trong quý IV được kỳ vọng sẽ cải thiện nhờ giá gạo thế giới có xu hướng tăng và Philippines dự kiến nối lại hoạt động nhập khẩu.

1 Sản xuất

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tính đến ngày 5/10/2026, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL, vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,22 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 1,15 triệu ha với năng suất khoảng 60,34 tạ/ha, sản lượng ước đạt 6,946 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 497 nghìn ha/633 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 79%, thu hoạch được khoảng 64 nghìn ha, với năng suất ước 62,49 tạ/ha, sản lượng 400 nghìn tấn lúa.

2 Xuất khẩu

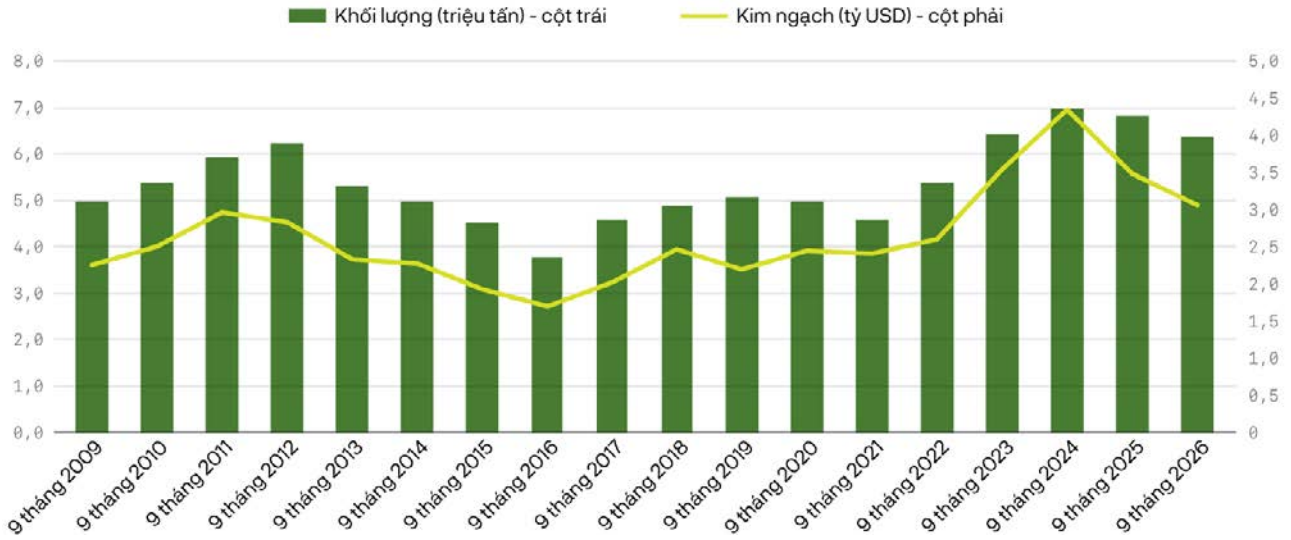
Theo số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam trong quý III đạt 1,34 triệu tấn, trị giá 674,3 triệu USD, giảm mạnh 51,2% về lượng và 50,8% về trị giá so với quý II, đồng thời giảm 36,4% về lượng và 35,2% về trị giá so với cùng kỳ quý III/2025.

Tính chung 9 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo đạt 6,36 triệu tấn, trị giá 3,06 tỷ USD, giảm 6,7% về lượng và giảm 12,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025.

Mặc dù giảm, Việt Nam vẫn giữ vị trí thứ hai về xuất khẩu gạo toàn cầu, bỏ xa Thái Lan. Theo số liệu của Bộ Thương mại Thái Lan, tính đến hết tháng 9, nước này đã xuất khẩu gần 5 triệu tấn gạo, kim ngạch đạt 2,9 tỷ USD, giảm 19,3% về lượng và 16,8% về kim ngạch ***(Biểu đồ 2)***.

Biểu đồ 2: Xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm giai đoạn 2009 - 2026

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.



Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Về thị trường, sau khi đẩy mạnh nhập khẩu trong nửa đầu năm, nhu cầu từ thị trường chủ lực Philippines có xu hướng chậm lại trong quý III. Theo đó, xuất khẩu gạo sang thị trường này chỉ đạt 336.886 tấn, giảm tới 71,8% so với quý II và giảm 60% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tương tự, xuất khẩu gạo sang Trung Quốc trong quý III đạt 181.330 tấn, giảm 69% so với quý II, nhưng vẫn tăng 18,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tại các thị trường chủ lực khác, xuất khẩu gạo sang Ghana, Singapore, Australia và Ả Rập Xê út ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, xuất khẩu sang Bờ Biển Ngà, Malaysia và Mozambique sụt giảm đáng kể.

Lũy kế 9 tháng, Philippines tiếp tục là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 2,73 triệu tấn, trị giá 1,23 tỷ USD, chiếm 42,9% tổng lượng xuất khẩu. Tuy nhiên, con số này giảm 7,2% về lượng và 14,9% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Trong khi đó, Trung Quốc nổi lên trở thành điểm sáng với khối lượng nhập khẩu 9 tháng đầu năm đạt 1,1 triệu tấn, trị giá 534,96 triệu USD, tăng vọt 82,8% về lượng và 75,7% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Với kết quả này, Trung Quốc vươn lên vị trí thứ hai về thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm 17,2% thị phần ***(Biểu đồ 3).***

Ngoài ra, lượng gạo xuất khẩu sang Ghana, Malaysia tương đương cùng kỳ năm ngoái, trong khi Singapore tăng nhẹ 2,8%; Australia tăng 28,3%, Ả Rập Xê út tăng 33%, Mỹ tăng 11,6%.

Đà tăng trưởng của các thị trường kể trên đã bù đắp phần nào sự sụt giảm của Philippines và một số thị trường chính khác như Bờ Biển Ngà (-46%), Mozambique (-28,3%), Hong Kong (-10%), UAE (-19,4%) ***(Bảng 2)***.

Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 9 tháng năm 2025 và 9 tháng năm 2026

% theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.



	9 tháng 2025 (vòng trong)	9 tháng 2026 (vòng ngoài)
Philippines	43,1%	42,9%
Trung Quốc	8,8%	17,2%
Ghana	11,2%	12,1%
Bờ Biển Ngà	12,5%	7,2%
Malaysia	5,3%	5,7%
Singapore	1,8%	2,0%
Thị trường khác	17,3%	12,9%

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam quý III và 9 tháng đầu năm 2026

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu	Quý III/2026		So với quý II/2026		So với quý III/2025		9 tháng đầu năm 2026		So với 9 tháng năm 2025	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	1.338.245	674.285	▼ 51,2	▼ 50,8	▼ 36,4	▼ 35,2	6.362.795	3.056.744	▼ 6,7	▼ 12,3
Philippines	336.886	162.546	▼ 71,8	▼ 68,8	▼ 59,7	▼ 59,5	2.729.376	1.228.034	▼ 7,2	▼ 14,9
Trung Quốc	181.330	80.705	▼ 68,8	▲ 35,7	▲ 18,6	▲ 3,4	1.096.796	534.965	▲ 82,8	▲ 75,7
Ghana	323.148	188.811	▲ 7,1	▼ 3,2	▲ 12,6	▲ 19,2	768.682	418.579	▲ 0,5	▼ 2,5
Bờ Biển Ngà	169.303	74.806	▲ 14,3	▼ 62,9	▼ 44,5	▼ 44,0	460.904	189.969	▼ 45,9	▼ 51,7
Malaysia	112.165	47.474	▼ 6,6	▼ 21,7	▼ 18,0	▼ 20,5	363.199	149.660	0,0	▼ 13,9
Singapore	50.492	25.622	▲ 21,0	▼ 21,4	▲ 37,5	▲ 22,3	125.191	64.193	▲ 2,8	▼ 8,9
Mozambique	11.686	6.959	▼ 68,9	▼ 65,0	▼ 70,7	▼ 66,8	61.407	31.577	▼ 28,3	▼ 33,5
Hong Kong	14.530	8.354	▼ 6,6	▼ 29,4	▼ 8,3	▼ 10,6	42.511	25.149	▼ 10,0	▼ 12,0
UAE	17.369	11.245	▲ 48,1	▼ 23,1	▲ 3,5	▲ 6,9	38.751	24.515	▼ 19,4	▼ 21,0
Australia	13.142	9.331	▼ 6,5	▲ 14,9	▲ 28,0	▲ 19,2	37.197	25.041	▲ 28,3	▲ 12,4
Ả Rập Xê út	11.273	7.847	▼ 15,1	▲ 61,1	▲ 10,2	▲ 17,2	36.316	23.131	▲ 33,0	▲ 25,5
Mỹ	8.811	6.906	▼ 16,8	▼ 42,3	▲ 74,4	▲ 65,7	29.041	22.103	▲ 11,6	▼ 4,6
Đài Loan	2.358	1.196	▼ 68,2	▼ 72,2	▼ 39,3	▼ 46,0	14.128	7.427	▼ 8,8	▼ 16,7
Campuchia	4.492	2.432	▲ 58,2	▼ 78,8	▼ 53,3	▼ 57,8	13.788	7.252	▼ 58,5	▼ 65,1
Hà Lan	2.811	2.146	▼ 41,7	▼ 51,3	▼ 19,3	▼ 19,1	9.936	7.685	▼ 14,2	▼ 13,6
Ba Lan	4.162	2.855	▲ 42,1	▼ 17,2	▲ 56,5	▲ 35,3	9.344	6.747	▲ 1,6	▼ 6,4
Indonesia	2.249	1.126	▲ 49,9	▼ 84,1	▼ 79,0	▼ 76,7	7.467	3.392	▼ 75,1	▼ 74,9
Nam Phi	1.710	1.080	▼ 25,6	▼ 46,1	▼ 14,8	▼ 8,4	6.969	3.885	▼ 3,6	▼ 16,9
Nga	2.785	1.607	▲ 50,8	▲ 55,8	▲ 28,9	▲ 53,6	5.757	3.457	▲ 23,2	▲ 23,1
Pháp	1.140	824	▼ 27,9	▲ 5,7	▲ 19,1	▲ 9,7	3.836	2.738	▲ 27,2	▲ 14,3
Tanzania	1.620	1.142	▲ 46,2	▼ 44,1	▲ 24,6	▲ 31,1	2.858	1.900	▼ 37,2	▼ 36,6
Senegal	698	286	▼ 41,8	▼ 98,9	▼ 99,1	▼ 98,8	2.639	1.110	▼ 98,4	▼ 97,8
Thổ Nhĩ Kỳ	581	377	▼ 6,7	▼ 93,8	▲ 312,1	▲ 266,1	1.868	1.153	▼ 82,6	▼ 82,4
Tây Ban Nha	711	518	▲ 27,4	▼ 26,4	▲ 8,5	▲ 0,6	1.839	1.316	▼ 16,4	▼ 18,6
Ukraine	49	39	▼ 96,9	▼ 84,5	▼ 95,7	▼ 95,0	1.739	1.119	▲ 12,6	▲ 2,3
Angola	285	150	▼ 27,5	▼ 30,4	▼ 49,0	▼ 47,1	951	457	▼ 17,7	▼ 26,1
Chile	128	98	▲ 50,6	▼ 94,5	▲ 4,1	▼ 5,9	495	389	▼ 85,2	▼ 81,6
Bỉ	220	146	▲ 31,0	▼ 725,0			469	370	▲ 768,5	▲ 728,3
Bangladesh	256	193	▲ 137,0	▼ 99,6	▲ 7,6	▲ 9,2	464	340	▼ 99,6	▼ 99,3
Brunei	43	45	▲ 95,5	▼ 211,5	▲ 95,5	▲ 96,1	187	152	▲ 183,3	▲ 126,0
Khác	61.812	27.419	▼ 71,8	▼ 74,5	▼ 52,9	▼ 65,7	488.690	268.940	▼ 3,9	▼ 14,1

3 Diễn biến giá

Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam trong quý III tiếp tục phục hồi, đạt bình quân 504 USD/tấn, tăng nhẹ 0,9% so với quý II và tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tính chung 9 tháng đầu năm 2026, giá xuất khẩu gạo bình quân vẫn giảm gần 6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 480 USD/tấn ***(Biểu đồ 4)***.

Trên thị trường nội địa, giá lúa gạo tiếp tục giảm 3,5–5% trong tháng 9, nối dài đà đi xuống sang tháng thứ hai liên tiếp trong bối cảnh nhu cầu từ Philippines suy yếu.

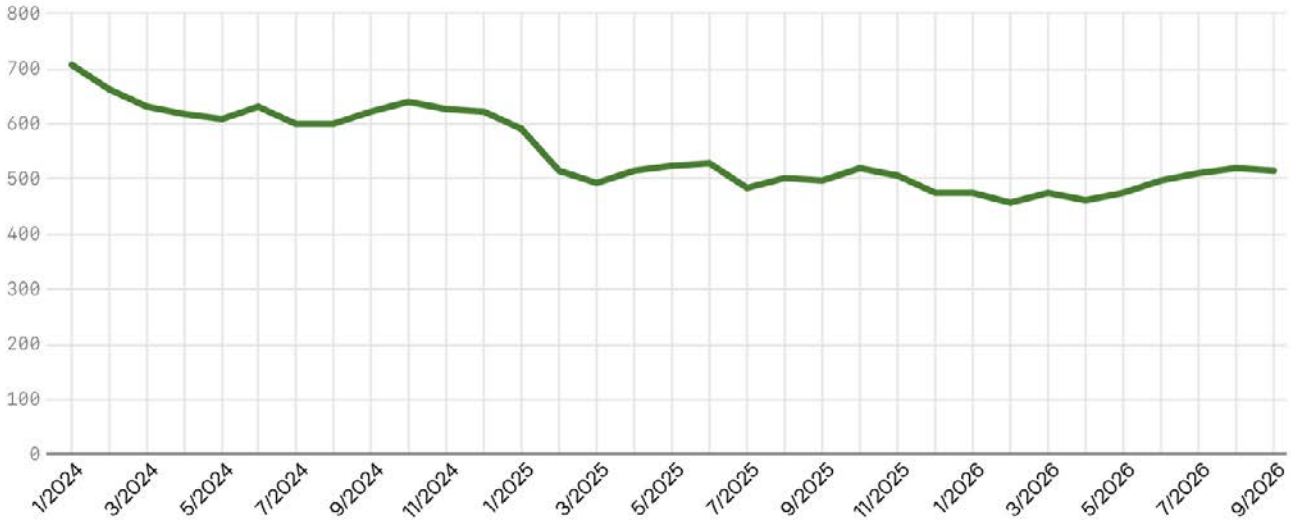
Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Tính chung quý III, giá lúa thơm tại ruộng giảm 4,8%, tương đương 300 đồng/kg, xuống còn 6.014 đồng/kg; giá lúa thường giảm 1,7%, tương đương 103 đồng/kg, còn 5.843 đồng/kg. Giá các loại gạo xuất khẩu cũng giảm 2,2–3,7%, xuống mức 10.129–10.286 đồng/kg.

Dù chịu áp lực giảm trong quý III, mặt bằng giá lúa gạo vẫn phục hồi và cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá lúa tăng 6,3–11,1%, giá gạo xuất khẩu tăng 7,6–8,8%. Đáng chú ý, giá phụ phẩm như tấm và cám tăng mạnh hơn, ở mức 13,8–16,8% ***(Bảng 3)***. ■

Biểu đồ 4: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng năm 2024-2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 3: Diễn biến giá lúa tại Đồng bằng sông Cửu Long tính đến cuối quý III/2026

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Chủng loại	Tại ngày 30/9/2026	So sánh tăng/giảm					
		So với 1 tháng trước		So với cuối quý II/2026		So với cùng kỳ năm 2025	
	đồng/kg	%	đồng/kg	%	đồng/kg	%	đồng/kg
Lúa thơm tại ruộng	6.014	▼ 3,5	▼ 218	▼ 4,8	▼ 300	▲ 6,3	▲ 357
Lúa thường tại ruộng	5.843	▼ 3,6	▼ 221	▼ 1,7	▼ 103	▲ 11,1	▲ 586
Lúa thường tại kho	7.289	▼ 3,5	▼ 261	▼ 2,1	▼ 159	▲ 11,1	▲ 731
Lứt loại 1	9.067	▼ 4,7	▼ 446	▼ 9,1	▼ 908	▲ 6,8	▲ 575
Xát trắng loại 1	10.200	▼ 3,9	▼ 415	▼ 11,5	▼ 1.330	▲ 3,7	▲ 360
5% tấm	10.286	▼ 4,6	▼ 493	▼ 3,7	▼ 400	▲ 7,6	▲ 729
15% tấm	10.129	▼ 4,3	▼ 457	▼ 2,2	▼ 228	▲ 8,8	▲ 822
25% tấm	9.743	▼ 5,0	▼ 514	▼ 2,6	▼ 257	▲ 8,8	▲ 786
Tấm 1/2	8.636	▲ 1,9	▲ 161	▲ 10,4	▲ 815	▲ 16,8	▲ 1.243
Cám xát/lau	7.454	▲ 0,3	▲ 25	▼ 4,1	▼ 317	▲ 13,8	▲ 904

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Phần III:

Dự báo



Ảnh: PrimeCoffee.

Mục lục

Viết tắt, giải nghĩa

Xuất khẩu gạo của Việt Nam được dự báo sẽ có xu hướng tích cực hơn trong quý IV do được hỗ trợ bởi đà tăng giá trên thị trường quốc tế và Philippines dự kiến nối lại hoạt động nhập khẩu.

Trong báo cáo mới nhất về Triển vọng Thị trường Hàng hóa, Ngân hàng Thế giới (WB) cho biết giá gạo thế giới được dự báo sẽ tăng 10% trong năm 2026 và tiếp tục tăng thêm 12% trong năm 2027, trước khi giảm 6% vào năm 2028.

Đà tăng này phản ánh dự báo sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2026–2027 sẽ giảm 2%, đánh dấu lần sụt giảm đầu tiên trong vòng một thập kỷ, do hiện tượng El Niño ảnh hưởng đến năng suất thu hoạch tại các quốc gia xuất khẩu gạo lớn ở châu Á.

Dự báo này giả định rằng không có quốc gia xuất khẩu lớn nào áp dụng các biện pháp hạn chế xuất khẩu để ứng phó với tình trạng sụt giảm sản lượng, như đã từng xảy ra trong giai đoạn El Niño 2023–2024. Khi đó, các biện pháp hạn chế xuất khẩu đã góp phần khiến giá gạo tăng đột biến.

WB cho biết mức tăng giá dự kiến trong năm 2026 và 2027 sẽ là mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2012, ngoại trừ các đợt tăng giá vào năm 2020 do đại dịch COVID-19 làm gián đoạn nguồn cung và năm 2023 khi các biện pháp hạn chế xuất khẩu được áp dụng rộng rãi. ■

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Phần IV:

Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành



Ảnh: Freepik.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Trong bối cảnh thị trường biến động, nhiều doanh nghiệp đang phải đối mặt với áp lực doanh thu suy giảm và tình trạng thua lỗ kéo dài.

CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (Vinaseed, Mã: NSC): Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2026, Vinaseed ghi nhận hơn 483,5 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm khoảng 2% so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán tăng 1,5% lên 404,9 tỷ đồng, khiến phần lợi nhuận gộp còn khoảng 78,6 tỷ đồng.

Chi phí tài chính tăng 41% lên 13,7 tỷ đồng, trong đó riêng lãi vay chiếm 11,1 tỷ đồng. Chi phí bán hàng nhích lên 35,5 tỷ đồng, còn thu nhập khác giảm từ 2,2 tỷ đồng xuống 103 triệu đồng. Khoản tiết giảm 21,4% chi phí quản lý doanh nghiệp chỉ bù được một phần tác động từ các khoản mục này. Với kết quả này, Vinaseed ghi nhận 14,5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong quý III, giảm 47,3% so với cùng kỳ.

Theo giải trình từ Vinaseed, lợi nhuận sau thuế quý III giảm mạnh chủ yếu do giá lương thực giảm sâu, ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư giống cho sản xuất của nông dân. Hệ quả là dẫn đến sản lượng tiêu thụ giảm, kéo doanh thu và lợi nhuận đi xuống so với cùng kỳ.

Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần của công ty đạt gần 1.347 tỷ đồng, giảm gần 12%, còn lợi nhuận sau thuế giảm 22,7%, xuống hơn 99,4 tỷ đồng.

Về tình hình tài chính, tại ngày 30/9/2026, tổng tài sản của Giống cây trồng Việt Nam đạt 2.524,83 tỷ đồng, giảm khoảng 3% so với đầu năm. Trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền giảm 224,25 tỷ đồng, xuống còn 157,92 tỷ đồng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp cũng tăng khoảng 60%, đạt 403,34 tỷ đồng. Hàng tồn kho tăng thêm 77,9 tỷ đồng sau 9 tháng, lên 872,7 tỷ đồng, tương đương mức tăng khoảng 10%.

Ở phía nguồn vốn, tổng nợ phải trả giảm khoảng 3%, còn 929,33 tỷ đồng. Riêng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đạt 592,12 tỷ đồng, gần như không thay đổi so với đầu năm. Doanh nghiệp không ghi nhận khoản vay tài chính dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Vốn chủ sở hữu đạt 1.595,5 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn 390,96 tỷ đồng.

Việc hoàn thành kế hoạch cổ tức năm 2025 là tín hiệu tích cực đối với cổ đông Giống cây trồng Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2026 cho thấy doanh nghiệp đang phải đối mặt với sức ép từ doanh thu suy giảm và chi phí tài chính gia tăng.

CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (Mã: TAR): TAR vừa trải qua quý III/2026 với kết quả sụt giảm mạnh. Doanh thu trong quý đạt 35,2 tỷ đồng, giảm 96% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán cũng giảm mạnh, song lợi nhuận gộp chỉ còn 2,4 tỷ đồng, giảm 92% so với cùng kỳ.

Trong khi đó, các khoản chi phí tiếp tục gây sức ép lên kết quả kinh doanh. Chi phí bán hàng giảm 34%, xuống 3,3 tỷ đồng, còn chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 11%, xuống 4,3 tỷ đồng. Với lợi nhuận gộp chỉ 2,4 tỷ đồng, TAR không đủ bù đắp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Kết quả, doanh nghiệp ghi nhận lỗ sau thuế 5,6 tỷ đồng trong quý III, trái ngược khoản lãi 2,86 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, TAR đạt 639,5 tỷ đồng doanh thu, giảm 68% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp ghi nhận lỗ sau thuế hơn 29 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước lỗ 19,1 tỷ đồng.

Đáng chú ý, chi phí lãi vay trong 9 tháng lên tới 40,8 tỷ đồng, vượt lợi nhuận gộp 35,8 tỷ đồng. Tại ngày 30/9/2026, tổng nợ phải trả của Trung An đạt 1.234 tỷ đồng, trong đó vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn lên tới 1.136 tỷ đồng. Tiền và các khoản tương đương tiền chỉ còn 5,3 tỷ đồng. Đáng chú ý, các khoản phải thu ngắn hạn lên tới 1.701 tỷ đồng, chiếm phần lớn tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp.

Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang (Afiex, mã AFX): Trong quý III/2026, Afiex ghi nhận doanh thu đạt 670,61 tỷ đồng, giảm 8,8% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 10,5 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính của sự tăng trưởng lợi nhuận xuất phát từ việc biên lợi nhuận gộp có sự cải thiện rõ rệt từ mức 1,8% của cùng kỳ lên 4,6%. Nhờ đó, lợi nhuận gộp của doanh nghiệp đạt 30,76 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng 138,1%, tương ứng tăng thêm 17,84 tỷ đồng.

Trong cơ cấu chi phí và doanh thu hoạt động tài chính, các số liệu cũng có sự biến động lớn. Cụ thể, doanh thu tài chính giảm 56,7%, lùi về mức 8,44 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, chi phí tài chính tăng 69,6%, lên mức 20,06 tỷ đồng. Điểm sáng là chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm 38,9%, lùi về mức 5,55 tỷ đồng

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, Afiex đạt doanh thu 2.259,5 tỷ đồng, tăng 28,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận mức 37,12 tỷ đồng, tăng mạnh 84%.

Dù kết quả 9 tháng tăng trưởng cao, với mức lãi trước thuế đạt 46,58 tỷ đồng, Afiex mới chỉ hoàn thành 49,3% kế hoạch lợi nhuận trước thuế cả năm là 94,42 tỷ đồng mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra hồi đầu năm. Mục tiêu doanh thu cả năm 2026 của doanh nghiệp là 3.780 tỷ đồng. ■

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
Cục Hải quan Việt Nam
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)
Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Bộ Thương Mại Ấn Độ
Reuters
Báo VietNamNet
Vietstock
Dnse
TTXVN

BẢN QUYỀN

Báo cáo "Thị trường lúa gạo quý III/2026" được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- **Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz**
- **Báo cáo thị trường lúa gạo quý II/2026**
- **Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 7/2026**
- **Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 8/2026**

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp** Thiết kế: **Vân Miên**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang
Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999
Email: info@vietnambiz.vn

Mục lục
Viết tắt, giải nghĩa



Địa chỉ: Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh: Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội
Hotline: 0938.1892224 Email: info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi VIETNEWS CORP